

Số:

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Khốa XIV, Kỳ họp thứ 4.

Căn cứ Thông báo số 34/TB-TTHĐND, ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Thường trực HĐND huyện Tu Mơ Rông thông báo về nội dung, địa điểm tiến hành Kỳ họp lần thứ 4 HĐND huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

Căn cứ các Văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, tỉnh. UBND huyện đã triển khai các văn bản liên quan triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện¹.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

¹(1) Hội đồng nhân dân huyện ban hành: Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

(2) Ủy ban nhân dân huyện: Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 về việc thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện; Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2022 và Quyết định 79a/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND huyện về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 02/QĐ-BCĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 03/QĐ-BCĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc thành lập và kiện toàn Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định 01/QĐ-TCTHCTMTQGGN ngày 13/5/2022 về việc ban hành quy chế hoạt động và Thông báo số: 01/TB-TCTHCTMTQGGN ngày 16/5/2022 về việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ Công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện về việc công bố công khai dự toán ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

1. Kinh phí

Tổng số vốn thực hiện chương trình trong năm 2022: 76.374 triệu đồng (Trong đó: *Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 9.965 triệu đồng*).

- Vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (theo *Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022*): 74.334 triệu đồng (Trong đó: *Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 7.925 triệu đồng*).

- Vốn phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang (theo *Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022*): 2.040 triệu đồng (Trong đó: *Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng*).

1. 1. Đối với nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2022 (Có phụ lục 3,4 chi tiết kèm theo)

Tính đến thời điểm 10/11/2022 đã giải ngân được 15.427/74.334 triệu đồng, đạt tỷ lệ **20,75%** (*Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 44/7.925 triệu đồng, đạt 0,56%*). Ước tính giải ngân đến 31/12/2022 được 69.832 triệu đồng, đạt 93,94% (*Vốn đầu tư phát triển 66.409/66.409 triệu đồng, đạt 100%; Vốn sự nghiệp 3.423/7.925 triệu đồng, đạt 43,20%*) cụ thể:

a. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: Ngân sách Trung ương: 68.343 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 1.934 triệu đồng*).

- Tiến độ giải ngân: 15.538/68.343 triệu đồng, đạt 23,51% (*Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 0/1.934, đạt 0%*).

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 68.343/68.343 triệu đồng, đạt 100% (*Vốn đầu tư phát triển 66.409/66.409 triệu đồng, đạt 100%; Vốn sự nghiệp 1.934/1.934 triệu đồng, đạt 100%*).

b. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Ngân sách Trung ương: 2.315 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

c. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp): Ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

d. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

* **Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:** Ngân sách Trung ương: 1.697 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp (*Chi hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp*): 956 triệu đồng. Không giải ngân được vì căn cứ theo **Điểm a Khoản 1 Điều 16** Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ Tài chính về việc Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thì Trung Tâm GDNN-GDTX huyện chuyển trụ sở làm việc qua Trụ sở mới theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum nên không có danh mục bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.

- Đối với nguồn kinh phí đào tạo nghề: 741 triệu đồng.

+ Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

+ Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Trung tâm GDNN-GDTX đang triển khai mở 09 lớp với 315 học viên, dự kiến kinh phí giải ngân 691/741 triệu đồng, đạt 93,25%.

* **Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:** Ngân sách Trung ương: 259 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 59/259 triệu đồng, đạt 22,77 % vì do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trên địa bàn huyện không có lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động do đó không thực hiện được các chính sách hỗ trợ dẫn đến không thể giải ngân hết nguồn kinh phí được giao.

* **Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:** Ngân sách Trung ương: 185 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 185/185 triệu đồng, đạt 100%.

e. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

* **Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:** Ngân sách Trung ương: 38 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 38/38 triệu đồng, đạt 100%.

* **Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:** Ngân sách Trung ương: 44 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- Tiến độ giải ngân: Đã giải ngân 44/44 triệu, đạt 100%.

g. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

- **Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:** Ngân sách Trung ương: 308 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

+ Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

+ Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 308/308 triệu đồng, đạt 100%.

- **Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá:** Ngân sách Trung ương: 164 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

+ Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

+ Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 164/164 triệu đồng, đạt 100%.

1.2. Đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang: 2.040 triệu đồng (Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng).

- Tiến độ giải ngân: Chưa giải ngân.

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 2.040/2.040 triệu đồng, đạt 100%.

2. Kết quả giảm nghèo

2.2. Cuối năm 2021: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ

- Hộ nghèo: 3.546/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 3.545/3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ cận nghèo: 550/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 550/550 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

2.2. Kết quả rà soát cuối năm 2022

a. Kết quả rà soát

- Hộ nghèo: 2.859/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 2.858/2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ thoát nghèo: 742 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 11,05% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 41,06% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 2.859/6.963 hộ*).

- Hộ cận nghèo: 432/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 432/432 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

- Hộ thoát cận nghèo: 228 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 1,88% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 6,20% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 432/6.963 hộ*).

b. So sánh kết quả giảm nghèo với Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện.

- Kết quả giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (*Tỷ lệ Hộ nghèo+Hộ cận nghèo*): Đạt 12,93% /10,23%. Trong đó: tỷ lệ hộ nghèo 11,05%/8,74%, Tỷ lệ hộ cận nghèo

1,88%/1,50% (Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo 8,74%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,50%). Vượt kế hoạch 2,70%.

- Kết quả giảm hộ nghèo: 742/556 hộ, đạt tỷ lệ 133,45%, tỷ lệ hộ nghèo giảm 11,05% (Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 556 hộ, tỷ lệ giảm 8,74%). Vượt kế hoạch 2,31%.

- Kết quả giảm hộ cận nghèo: 228/96 hộ, đạt tỷ lệ 237,5% vượt kế hoạch (Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%). Tuy nhiên số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo và hộ cận nghèo phát sinh mới là 110 hộ nên số hộ cận nghèo tại thời điểm 432 hộ (550-228+110), do đó trong năm 2022 giảm 118/96 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,88 (Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%). Vượt kế hoạch 0,38%.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững được quan tâm, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống...

- Kịp thời ban hành các văn bản theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Năm 2021-2022 là năm đầu giai đoạn, nên Trung ương phân bổ vốn để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững còn chậm; đến thời điểm hiện tại đã được phân bổ vốn để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, hiện UBND huyện đang triển khai các bước để thực hiện. Tuy nhiên một số hướng dẫn thực hiện cụ thể của các dự án, tiểu dự án còn chậm, nên chưa triển khai kịp thời.

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

- Hiện nay, chưa có số dự kiến kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và chương trình mục tiêu quốc gia GNBV nói riêng, nên địa phương chưa có cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

- Đối với Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong

lĩnh vực nông nghiệp): Hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Do đó, địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

- Theo khoản 2 điều 13 Nghị định số 27/NĐ-CP quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư. Mức hỗ trợ thực hiện một dự án cụ thể từ ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương quyết định. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh chưa ban hành nội dung này.

- Theo điểm b, khoản 3, điều 18 Nghị định số 27/NĐ-CP quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán công trình theo cơ chế đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, theo Công văn số 4950/BTC-ĐT, ngày 19/9/2022 có nêu UBND tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán, ... Đến thời điểm hiện nay tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn đối với nội dung này.

- Hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có hướng dẫn của và tỉnh chưa ban hành nội dung và mức chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động đài truyền thanh xã (*khoản 4, điều 21 Thông tư số 46/TT-BTC và điều 8 Thông tư số 53/2022/TT-BTC*).

- Hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và danh mục thiết bị đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng do đó địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

1. VỀ GIẢM NGHÈO

Phân đầu triển khai thực hiện Kết luận số 741-KL/TU ngày 13-6-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ***giảm 9% hộ nghèo trong năm 2023***. Với các nội dung, giải pháp:

2. VỀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến Tổng số vốn thực hiện chương trình trong năm 2023: 61.092 triệu đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 42.218 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 18.874 triệu đồng*), cụ thể:

a. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo: Ngân sách Trung ương: 46.440 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển 42.218 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 4.222 triệu đồng*).

b. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Ngân sách Trung ương: 5.831 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

c. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp): Ngân sách Trung ương: 3.482 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

d. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Ngân sách Trung ương: 3.954 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

* **Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:** Ngân sách Trung ương: 2.771 triệu đồng.

* **Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:** Ngân sách Trung ương: 694 triệu đồng.

* **Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:** Ngân sách Trung ương: 489 triệu đồng.

e. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Ngân sách Trung ương: 642 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

* **Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:** Ngân sách Trung ương: 442 triệu đồng.

* **Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:** Ngân sách Trung ương: 200 triệu đồng.

g. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình: Ngân sách Trung ương: 743 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

- **Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:** Ngân sách Trung ương: 484 triệu đồng.

- **Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá:** Ngân sách Trung ương: 259 triệu đồng

3. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1 Nội dung

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện liên kết vùng phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa. Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

- Thí điểm, xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (*thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mô hình khác*) nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phát triển, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất nông, lâm, nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng nghèo, vùng khó khăn; Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn; Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với

doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần tạo việc làm nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động vùng khó khăn; Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng khó khăn.

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã; bảo đảm hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường cung cấp thông tin về cơ sở, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi các thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững; Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương; Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ (*bằng hình thức phù hợp tình hình thực tế môi trường ảnh hưởng dịch Covid-19*) cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình giảm nghèo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững;

3.2. Giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

- Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng*

bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững của người dân và cộng đồng; tuyên truyền, giới thiệu những cá nhân, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo, tham gia hoàn thiện chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo.

- Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phối hợp, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Lao động-TB&XH;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Xuân Quang